

CHÍNH SÁCH BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ SỐNG Ở VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN¹

TS. Nguyễn Thị Tám
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu về một số chính sách trong giai đoạn 2011 - 2020 liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các tộc người thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chỉ ra những kết quả, thành tựu và hạn chế, bất cập của một số địa phương trong quá trình thực hiện chính sách; đồng thời đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần hoàn thiện chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển các dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cho giai đoạn 2021 - 2025 và các giai đoạn tiếp theo của Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, tộc người thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Abstract: The article explores several policies in the period 2011 - 2020 related to the conservation and promotion of cultural values of ethnic minorities living in regions with extremely difficult socio-economic conditions. It points out the results, achievements, limitations, and shortcomings of some localities in the policy implementation process. At the same time, it proposes some recommendations to contribute to completing specific policies to support and develop ethnic minorities living in regions with extremely difficult socio-economic conditions for the period 2021 - 2025 and other Vietnam's next stage.

Keywords: Policies, policies to preserve and promote cultural values, ethnic minorities, regions with extremely difficult socio-economic conditions

Ngày nhận bài: 19/2/2021; ngày gửi phản biện: 25/2/2021; ngày duyệt đăng: 3/4/2021

Mở đầu

Việt Nam là quốc gia đa tộc người với 54 dân tộc, trong đó có 53 dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm khoảng 14,6% dân số cả nước, cư trú thành cộng đồng ở 54 tỉnh, thành phố,

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu đề xuất chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Võ Thị Minh Lệ là Chủ nhiệm đề tài, Ủy ban Dân tộc quản lý giai đoạn 2019 - 2021.

713 huyện, 5.468 xã, trong đó có 382 xã biên giới tiếp giáp với Lào, Campuchia và Trung Quốc (Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê, 2019, tr. 37). Địa bàn cư trú chủ yếu của các DTTS là ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Duyên hải miền Trung, chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích cả nước. Song, đây chính là vùng “lõi nghèo” của cả nước do kinh tế - xã hội (KT-XH) chậm phát triển, chất lượng nguồn nhân lực thấp, người dân gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn lực cần thiết cho sản xuất như vốn, thị trường, đất đai và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản,... Hiện nay, tỷ lệ hộ nghèo DTTS chiếm 52,66% hộ nghèo của cả nước, trong đó các dân tộc Ô-đu, Co, Khơ-mú, Xinh-mun, La-ha, Kháng, Hmông và Xơ-đăng tỷ lệ hộ nghèo chiếm 70 - 80% (UBDT, Tổng cục Thống kê, 2019).

Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ *phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020*, tỉnh Lai Châu thuộc vùng Tây Bắc, nơi có tỷ lệ đói nghèo cao nhất Việt Nam và có đông đồng bào DTTS khó khăn sinh sống (Hmông, La Hủ, Hà Nhì, Lự, Mảng, Cống, Si La...), có 62 xã khu vực III và 555 thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK). Hà Giang là tỉnh nghèo thứ hai trong vùng Đông Bắc (xếp sau tỉnh Cao Bằng) nhưng có địa hình phức tạp với đặc thù núi đá vôi hiểm trở và khó khăn trong canh tác, có 134 xã khu vực III và 1.249 thôn ĐBK; là nơi có đông đồng bào DTTS khó khăn sinh sống (Hmông, Lô Lô, Pu Páo, Cơ Lao, Pà Thẻn...). Kon Tum là tỉnh nghèo nhất vùng Tây Nguyên, có nhiều DTTS khó khăn sinh sống (Ba-na, Gia-rai, Giê-Triêng, Xơ-đăng, Rơ-măm, Brâu...), có tình trạng tảo hôn cao (Brâu, Gia-rai, Ba-na...), với 49 xã khu vực III, 361 thôn ĐBK.

Ngày 12/11/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg *về tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025*. Theo đó, xã khu vực III (xã ĐBK) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS và MN) là xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, với một trong hai tiêu chí: (i) Tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên; (ii) Tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20% và có một trong các tiêu chí: có hơn 60% tỷ lệ hộ nghèo là hộ DTTS trong tổng số hộ nghèo của xã; có số người DTTS trong độ tuổi 15 - 60 chưa biết đọc, biết viết tiếng phổ thông từ 20% trở lên; số lao động có việc làm nhưng chưa qua đào tạo từ 3 tháng trở lên chiếm trên 80% tổng số lao động có việc làm; đường giao thông từ trung tâm huyện đến trung tâm xã dài hơn 20km, trong đó có trên 50% số km chưa được rải nhựa hoặc đổ bê-tông.

Thôn ĐBK thuộc vùng đồng bào DTTS và MN có một trong hai tiêu chí: (i) Tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên; (ii) Có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20% và có một trong các tiêu chí: có hơn 60% tỷ lệ hộ nghèo là hộ DTTS trong tổng số hộ nghèo của thôn; chưa có đường từ thôn đến trung tâm xã hoặc có đường nhưng đi lại rất khó khăn nhất là mùa mưa; chưa có điện lưới quốc gia hoặc đã có nhưng trên 30% số hộ chưa được sử dụng điện lưới quốc gia.

Đặc biệt, 16 DTTS rất ít người (dân số dưới 10.000 người)² cư trú tập trung ở các xã, thôn bản ĐBKK của các tỉnh vùng núi cao, biên giới (Lai Châu, Hà Giang, Kon Tum...) tuy thời gian qua đã được Đảng, Nhà nước quan tâm và có chính sách riêng, nhưng hiện vẫn là nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, có nguy cơ ngày càng tụt hậu trong quá trình phát triển nếu không được tiếp tục hỗ trợ, đầu tư phát triển.

Các DTTS ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn là đối tượng dễ bị “tổn thương văn hóa” trong quá trình phát triển, vì vậy Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định việc bảo tồn, phát huy văn hóa các DTTS vừa là nhiệm vụ cấp thiết, vừa có ý nghĩa chiến lược phải thực hiện kiên trì, lâu dài.

Dựa trên kết quả nghiên cứu tổng quan và khảo sát thực địa tại 3 tỉnh Hà Giang, Lai Châu, Kon Tum, bài viết chỉ ra một số thành tựu và hạn chế, đưa ra một số khuyến nghị bổ sung, hoàn thiện chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn cho giai đoạn 2021 - 2025 và các giai đoạn tiếp theo của Việt Nam.

1. Khái quát về một số chính sách

Trong hệ thống chính sách dân tộc nói chung, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các DTTS, và khẳng định đó là một bộ phận không thể tách rời trong nền văn hóa Việt Nam, góp phần quan trọng phát triển đời sống kinh tế - xã hội. Do đó, nhóm chính sách về bảo tồn và phát triển văn hóa cũng được chú trọng, giai đoạn 2011 - 2015 có 8 chính sách được cụ thể hóa bằng 13 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đáng lưu ý là: (i) Quyết định số 2123/QĐ ngày 22/11/2010 phê duyệt Đề án “*Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015*” nhằm tạo điều kiện phát triển về số lượng, nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em, học sinh, sinh viên các dân tộc rất ít người, góp phần bảo tồn và phát triển bền vững các dân tộc rất ít người. (ii) Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 phê duyệt Đề án “*Phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020*” nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số, đặc biệt chú trọng địa bàn các dân tộc có nguy cơ bị biến dạng văn hóa cao (các dân tộc rất ít người không có điều kiện tự bảo vệ văn hóa của mình; bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới, hải đảo, khu vực tái định cư của các thủy điện). Phát huy vai trò của các chủ thể văn hóa trong phát triển văn hóa truyền thống của các dân tộc. Tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới. Góp phần giảm dần sự chênh lệch về mức sống và hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các dân tộc, gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc. (iii) Quyết định số 1627/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 phê duyệt Đề án “*Phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống, Cờ*

² Gồm: O-đu, Pu Péo, Si La, Rơ-măm, Brâu, Cống, Bó Y, Mảng, Lô Lô, Cờ Lao, Ngái, La Ha, Pà Thên, Lự, Chứt, La Hủ.

Lao” nhằm nhanh chóng ổn định và cải thiện đời sống vật chất, văn hoá tinh thần của người dân, phấn đấu đến 2020 phát triển cơ bản ngang bằng với các dân tộc khác trong khu vực. Đồng thời, khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống, góp phần giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia và bảo vệ môi trường sinh thái. (iv) Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 5/9/2012 Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012-2015. (v) Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 về cấp ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và MN, vùng ĐBKK giai đoạn 2012-2015. (vi) Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 sửa đổi quyết định 2472/QĐ-TTg về cấp ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và MN, vùng ĐBKK giai đoạn 2012-2015. (vii) Quyết định số 3508/QĐ-BVHTTDL, ngày 10/3/2013 Về việc phê duyệt dự án bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (thuộc đề án “bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”) nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS rất ít người; đưa các DTTS rất ít người ra khỏi tình trạng mai một, mất bản sắc văn hóa; Tăng cường đầu tư của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, huy động mọi nguồn lực cho bảo tồn và phát triển văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa vùng các DTTS có nguy cơ cao mai một bản sắc văn hóa.

Những chính sách hỗ trợ phát triển nói trên chủ yếu nhằm đạt được mục tiêu cụ thể trong ngắn hạn 3 - 5 năm, một số chính sách được tiếp tục mở rộng ra quy mô ở giai đoạn sau. Điều đáng nói là trong khi một số lĩnh vực như sinh kế, giáo dục, y tế... có hẳn những dự án riêng biệt cho nhóm dân tộc đặc thù, thì đề án phát triển văn hóa cho các DTTS sống ở vùng ĐBKK phần lớn được lồng ghép vào chính sách chung ở vùng dân tộc.

Trong những chính sách chung có liên quan đến bảo tồn văn hóa, có những chính sách bị chông chéo về nội dung, trùng lặp về địa bàn và đối tượng thụ hưởng, làm nảy sinh thực tế là trong cùng một địa bàn và đối tượng thụ hưởng nhưng mức hỗ trợ một số chính sách khác nhau gây khó khăn trong thực hiện và đánh giá hiệu quả. Về chính sách truyền thông, có những tộc người ít hoặc chưa được xuất hiện trong những ấn phẩm tuyên truyền. Chẳng hạn, chính sách cấp không thu tiền ấn phẩm báo chí, tuyên truyền chưa hài hòa về số lượng tin, bài tuyên truyền giữa các vùng miền, các dân tộc. Có những DTTS rất ít người cư trú ở những vùng đặc biệt khó khăn chưa có bài giới thiệu trên mặt báo. Ngôn ngữ, hình ảnh đôi khi chưa phù hợp với trình độ, phong tục tập quán của nhân dân, nhất là chưa tạo được thông tin hai chiều để phản ánh tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS (Nguyễn Văn Chính, 2018, tr. 311).

Giai đoạn 2016 - 2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTT&DL) tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến công tác quản lý nhà nước và công tác bảo tồn văn hóa truyền thống của các DTTS; ban hành, phê duyệt nhiều chương trình, đề án, dự án liên quan đến đồng bào DTTS. Trong giai đoạn này,

Thủ tướng Chính phủ cũng đã có 18 nhóm chính sách DTTS về giữ gìn, bảo tồn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS; hỗ trợ bảo tồn di sản văn hóa các DTTS, ưu tiên bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của 16 DTTS có dân số ít dưới 10.000 người; ưu tiên hỗ trợ xây dựng, trang thiết bị các thiết chế văn hóa thể thao cấp huyện, xã, nhà văn hóa, khu thể thao thôn tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS trên cả nước,... Bên cạnh đó, Bộ VH-TT&DL cũng đã ban hành 11 nhóm chính sách như: xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa vùng DTTS; đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc kết hợp với các chương trình phát triển kinh tế, phát triển nghề thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng kết hợp với xóa đói giảm nghèo; bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng DTTS,...

Trong Dự thảo báo cáo *Tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; định hướng xây dựng Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045* của Ủy ban Dân tộc đã đưa ra nhóm đề án về “*Văn hóa*” gồm 02 đề án được giao cho Ủy ban Dân tộc và Bộ VH-TT&DL triển khai: (i) Ủy ban Dân tộc xây dựng Đề án “*Bảo tồn, phát triển nghề và làng nghề truyền thống vùng dân tộc và miền núi*”, không thực hiện để lồng ghép vào chính sách đặc thù chung của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2016 - 2020; (ii) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Đề án “*Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam*”, đã phê duyệt tại Quyết định số 2493/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 về Phê duyệt Đề án “*Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam, giai đoạn 2017-2020*”.

Phải khẳng định rằng, những dự án hỗ trợ của Nhà nước và các bộ, ngành như trên đối với vùng đồng bào DTTS là cần thiết và thể hiện sự quan tâm nhất định, tuy nhiên cách thức thực hiện ở từng địa bàn như thế nào để đạt hiệu quả mới là quan trọng. Trong những năm qua kinh phí hỗ trợ cho vùng DTTS nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đều thông qua hệ thống hành chính. Điều này cũng dẫn tới nguy cơ tạo ra sự phụ thuộc rất lớn của người dân vào các chương trình hỗ trợ, dễ hình thành tâm lý ỷ lại và ít có động lực phát triển hay chủ động vươn lên ở các tộc người.

Trong những đề án hỗ trợ phát triển, vai trò của các DTTS rất ít người đang bị mờ nhạt, trong khi vốn văn hóa - xã hội, tri thức địa phương và tầm quan trọng của những thiết chế truyền thống trong thực thi các đề án này hầu như không thấy nói đến. Có một thực tế là, các đề án thường thiên về huy động nguồn vốn Chính phủ để hỗ trợ sản xuất, quản lý xã hội và đảm bảo cuộc sống. Chưa có đề án chuyên đề nào nhằm bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa dân tộc có dân số rất ít. Lĩnh vực văn hóa - ngôn ngữ nói chung thường chỉ được thêm vào hoặc lồng ghép với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, trong khi tình trạng mai một ngôn ngữ của các nhóm DTTS rất ít người đã trở nên nghiêm trọng (Nguyễn Văn Chính, 2018, tr. 310).

Nhìn chung, các dự án, đề án cho phát triển văn hóa các DTTS giai đoạn 2011 - 2020 chủ yếu cấp vốn đầu tư và cứu trợ, được thực hiện thông qua hệ thống hành chính các cấp. Những đề án cho các DTTS ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn đã chú trọng đến việc hỗ trợ theo hình thức cấp phát. Trên thực tế, hệ thống chính sách hỗ trợ vùng DTTS và MN cũng như các DTTS sinh sống ở vùng ĐBKK của Việt Nam đã có khá nhiều. Dựa trên Nghị định số 05/2015/NĐ-CP về công tác dân tộc, hiện nay đã có 12 Bộ, ngành và Ủy ban Dân tộc cùng tham gia xây dựng, quản lý, theo dõi chính sách ở vùng DTTS, miền núi và vùng KT-XH đặc biệt khó khăn. Nhìn chung, các chính sách thường đặt ra mục tiêu lớn, song thời gian thực hiện ngắn, nguồn lực không được bảo đảm gắn với nhiệm kỳ... nên hiệu quả chưa triệt để, song một số chính sách đã đạt được kết quả và thành tựu nhất định.

2. Một số kết quả và thành tựu đạt được từ việc thực hiện chính sách liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các tộc người thiểu số

2.1. Thúc đẩy những nỗ lực của các địa phương trong bảo tồn lễ hội - nghi lễ truyền thống của các dân tộc thiểu số

Các chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong thời gian qua đã góp phần tích cực cho việc phục dựng có chọn lọc các lễ hội, nghi lễ truyền thống của các DTTS nhằm phục vụ ngày càng thiết thực hơn mục đích phát triển kinh tế, quản lý xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái ở các thôn/làng. Chính quyền địa phương hiện nay đều chú trọng quảng bá hình ảnh của những lễ hội, nghi lễ tiêu biểu và luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các DTTS tổ chức hoạt động này thường niên. Khi tổ chức một nghi lễ, lễ hội truyền thống luôn có sự chung tay của tất cả các ban ngành từ cơ sở đến huyện, tỉnh. Trong khi người dân các dân tộc ở cấp cộng đồng thôn/bản không những phấn khởi bởi có sự quan tâm của Đảng, chính quyền, mà còn thấy được cơ hội mở rộng quảng bá truyền thống văn hóa độc đáo của dân tộc đến bạn bè, du khách. Điều đó được thể hiện qua sự hăng hái, nhiệt tình của người dân trong khâu chuẩn bị, cũng như tham gia các hội thi nghề thủ công, ẩm thực, văn nghệ dân gian, thi đấu các môn thể thao truyền thống tại lễ hội,... Rõ ràng, đây là sự thành công đáng khích lệ và rất có ý nghĩa so với trước đây.

Từ khi thực hiện các đề án bảo tồn văn hóa, khá nhiều lễ hội truyền thống của DTTS được các địa phương khôi phục. Trong đó, năm 2018, tỉnh Kon Tum đã sưu tầm, phục dựng 7 lễ hội truyền thống, nâng tổng số lễ hội truyền thống tiêu biểu được bảo tồn là 25 lễ hội như: Lễ hội mừng lúa mới hay ăn cơm mới, ăn trâu mừng nhà Rông của các tộc người Xơ-đăng, Ba-na, Gié-Triêng; Lễ hội bắc máng nước của người Xơ-đăng; Lễ hội mừng nước giọt của người Ba-na (nhóm Rơ ngao); Lễ hội Pen Chu Pi (bắn heo, dê) của người Xơ-đăng (nhóm Tơdrá), Ba-na (nhóm Jơ lằng),... Tỉnh Lai Châu phục dựng 16 lễ hội, đồng thời hàng năm duy trì tổ chức 40 nghi lễ, lễ hội. Tỉnh Hà Giang có 60 lễ hội, nghi lễ cộng đồng đang được thực hành. Cùng với việc mở rộng các hình thức bảo tồn, khôi phục và phát huy những giá trị của lễ hội, nghi lễ truyền thống, các tỉnh này còn xây dựng chính sách tổ chức lễ hội

mới gắn với du lịch, lễ hội ngành nghề phù hợp với thực tiễn mỗi địa phương. Trong năm 2020, Bộ VH TT & DL lựa chọn 7 lễ hội truyền thống của dân tộc La Chí, huyện Quang Bình và dân tộc Nùng, huyện Hoàng Su Phì (tỉnh Hà Giang); dân tộc Si La, tỉnh Lai Châu cần được phục dựng, bảo tồn (Uyên Linh, 2020).

2.2. Phát hiện nhiều di sản văn hóa có giá trị

Thực hiện đề án “Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam, giai đoạn 2017 - 2020” của Bộ VH TT & DL. Qua nghiên cứu, kiểm kê, sưu tầm di sản văn hóa tại các địa phương đã phát hiện được nhiều di sản có giá trị để xây dựng hồ sơ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể cấp tỉnh, cấp quốc gia. Trong đó, 3 di tích quốc gia đặc biệt liên quan đến đồng bào DTTS được xếp hạng; 8 di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích quốc gia; 126 di sản văn hóa phi vật thể của các DTTS tại 31 tỉnh/thành trên cả nước (Hà An, Minh Khánh, 2018).

Sau khi xếp hạng, các di tích, danh thắng đã được quan tâm đầu tư tôn tạo bằng nguồn ngân sách của Trung ương, tỉnh và kinh phí từ xã hội hóa. Nhiều di tích, danh thắng đã trở thành điểm tham quan không thể thiếu trong các tour, tuyến du lịch, trong đó nhiều địa phương triển khai rất hiệu quả như tỉnh Hà Giang với 55 di tích, danh thắng được công nhận, trong đó có 26 di tích và danh thắng cấp quốc gia, 29 di tích và danh thắng cấp tỉnh (Nguyễn Văn Minh, 2020). Tỉnh Lai Châu sưu tầm gần 1.900 hiện vật văn hóa dân tộc; kiểm kê lập danh mục di sản văn hóa phi vật thể 13 dân tộc cư trú thành cộng đồng. Sưu tầm được 325 hiện vật các DTTS vùng biên giới; bảo tồn phát huy các làn điệu dân ca nhóm Hà Nhì Hoa tại huyện Mường Tè; hát Then - đàn tính của dân tộc Thái ở huyện Than Uyên,... (Uyên Linh, 2020).

Có thể nói, việc thực hiện các dự án khôi phục, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể ở các địa phương được đưa vào danh mục DSVH quốc gia góp phần quan trọng nhằm giới thiệu, quảng bá nét độc đáo của văn hóa truyền thống các DTTS, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc, là động lực phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, thu hút đầu tư, du khách để phát triển du lịch của các tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

2.3. Tận dụng được nguồn nhân lực tại địa phương, góp phần cải thiện đời sống kinh tế, giảm nghèo cho người dân tộc thiểu số

Việc bảo tồn văn hóa các DTTS trên quy mô cả nước đã đạt những kết quả nhất định, giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người được khơi dậy, tuyên truyền giới thiệu và làm sống lại (Trần Thị Mai Lan, 2018, tr. 343). Đặc biệt, ở một số tỉnh, chính quyền và người dân đã biến những giá trị văn hóa truyền thống thành các sản phẩm du lịch để người dân có thể vừa bảo tồn văn hóa tộc người, vừa phát triển kinh tế, góp phần xóa đói giảm nghèo. Hệ thống

di sản văn hóa là cơ sở để hình thành, phát triển các sản phẩm du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh, du lịch trải nghiệm - khám phá và nghỉ dưỡng..., góp phần đưa du lịch vùng đồng bào DTTS trở thành điểm đến của du khách ngày càng tăng, đem lại nguồn thu đáng kể cho nền kinh tế, nâng cao đời sống và tạo việc làm cho một bộ phận người dân. Đồng thời, du lịch phát triển cũng sẽ tác động trở lại góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, thúc đẩy sự mở rộng và hiểu biết văn hóa. Sự phát triển của du lịch còn tác động trực tiếp đến nhận thức và hành động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của chính quyền và người dân địa phương, là nhân tố thúc đẩy kinh tế của địa phương phát triển, có tác động quan trọng đến đời sống kinh tế - xã hội của các tộc người.

Một trong những nội dung bảo tồn văn hóa của các DTTS là khôi phục những làng nghề truyền thống, tạo công ăn việc làm cho nhiều người sở tại, góp phần cải thiện thu nhập. Tại Kon Tum, tỉnh chú trọng khôi phục nghề dệt truyền thống của dân tộc Ba-na, Gia-rai, Xơ-đăng và các nghề đan lát, tạc tượng, chạm khắc gỗ, rèn,... Thông qua việc triển khai *Đề án bảo tồn và phát triển nghề truyền thống các DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh*, Kon Tum đã xây dựng, phát hành 05 loại đĩa CD về quy trình sản xuất nghề truyền thống: đan lát, gốm, chế tác nỏ, chế tác nhạc cụ, làm rượu cần. Hoàn thành xây dựng phòng trưng bày sản phẩm tại cơ quan Ban Dân tộc tỉnh..., triển khai công tác nghiên cứu, sưu tầm, phục hồi và mở lớp truyền dạy nghề truyền thống, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các DTTS tại chỗ.

Việc đưa những di tích, danh thắng trở thành địa điểm phục vụ du lịch cũng tạo ra nhiều công ăn việc làm cho con em đồng bào DTTS. Họ có thể làm hướng dẫn viên tại dinh thự Nhà Vương (tỉnh Hà Giang), di tích Ngục Kon Tum hay những người bán hàng tại các khu di tích, danh thắng,... Đặc biệt, việc thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, phát huy các nguồn lực, thế mạnh của vùng đồng bào DTTS để phát triển du lịch bước đầu đã được các địa phương quan tâm thực hiện. Tỉnh Kon Tum đã xây dựng 02 làng du lịch cộng đồng: làng du lịch cộng đồng dân tộc Ba-na tại Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum và làng Kon Pring, xã Đăk Long, huyện Kon Plong (nhóm Mơ Nâm, dân tộc Xơ-đăng). Cả hai làng trên được đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo nghề du lịch, tạo công ăn việc làm, bảo tồn văn hóa truyền thống và xây dựng môi trường văn hóa - sinh thái bền vững (Nguyễn Thanh Hưng, 2018). Với chủ trương lấy bảo tồn văn hóa làm động lực thúc đẩy du lịch, tỉnh Hà Giang đã đưa vào hoạt động 36 làng văn hóa du lịch cộng đồng (năm 2020) và mang lại hiệu quả đáng kể. Thôn Nặm Đăm, huyện Quản Bạ trong năm 2017 có trên 5 nghìn lượt khách lưu trú, thu nhập hơn 2 tỷ đồng,... Giá dịch vụ trung bình từ 300.000 đồng đến 370.000 đồng/khách (Nguyễn Văn Minh, 2020). Thông qua khai thác các sản phẩm du lịch, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao và cải thiện rõ rệt, từ đó hình thành ý thức bảo tồn, gìn giữ các giá trị văn hóa, tài nguyên du lịch, cảnh quan môi trường của dân tộc.

Nhìn chung, từ năm 2011 đến nay, qua nhiều năm thực hiện, chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các DTTS nói chung đã đạt được những kết quả và thành tựu đáng khích lệ, có tác động đáng kể đến đời sống của những tộc người thiểu số sống ở vùng

có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đã góp phần quan trọng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các tộc người thiểu số. Một số di sản văn hóa của vùng đồng bào các DTTS được tôn vinh. Qua nhiều năm thực hiện, một số đề án hỗ trợ văn hóa đồng bào DTTS được đánh giá là chương trình hợp lòng dân. Những nội dung đầu tư, hỗ trợ đều có tác động trực tiếp thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa đói, giảm nghèo ở vùng DTTS và MN; góp phần thay đổi diện mạo nông thôn miền núi, nhất là các xã ĐBKK.

3. Một số hạn chế của việc thực hiện chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các tộc người thiểu số

- Nguồn lực đầu tư hỗ trợ cho bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS ở vùng sâu, vùng xa còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của người dân. Hiện nay, trình độ dân trí của các DTTS sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn rất cao. Một bộ phận đồng bào DTTS còn sống khép kín, mặc cảm, thiếu ý chí vươn lên,... Thêm nữa, sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai, lối sống thực dụng, hưởng thụ đã đưa một bộ phận thanh niên DTTS xa rời các phong tục, tập quán truyền thống. Sự chi phối của nền kinh tế thị trường trong việc tổ chức các sự kiện, các lễ hội truyền thống ngày càng bị thương mại hóa, thiếu vắng sự sáng tạo văn hóa của các tầng lớp nhân dân, các tác phẩm văn hóa, văn học truyền thống ngày bị mai một. Lực lượng nghệ nhân dân gian ngày càng thiếu vắng, người già có uy tín và hiểu biết về văn hóa truyền thống mất dần, các giá trị nghệ thuật không được ghi chép, truyền dạy cho thế hệ sau.

- Mỗi dân tộc ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn có những lễ hội - nghi lễ cộng đồng tiêu biểu, góp phần thường xuyên thực hành, trao truyền các đặc trưng văn hóa dân tộc. Hiện nay những lễ hội - nghi lễ cộng đồng tiêu biểu của các dân tộc đang đứng trước các vấn đề đặt ra: (i) Vấn đề tiếp tục duy trì và phát huy giá trị các lễ hội - nghi lễ cùng những yếu tố truyền thống của các dân tộc trong bối cảnh gia tăng quá trình toàn cầu hóa và hội nhập; (ii) Vấn đề tăng cường phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, những nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng và chính quyền địa phương đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị của các lễ hội - nghi lễ truyền thống của các dân tộc trong bối cảnh cơ chế thị trường; (iii) Vấn đề phát huy hơn nữa giá trị các lễ hội - nghi lễ truyền thống, nhất là những hình thức tín ngưỡng dân gian của các dân tộc trước sự ảnh hưởng của nhiều tôn giáo mới, nhất là Tin Lành; (iv) Vấn đề gắn kết việc bảo tồn và phát huy giá trị lễ hội - nghi lễ cộng đồng và những đặc trưng văn hóa truyền thống của các dân tộc với các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh ở vùng dân tộc DTTS và của các địa phương, nhất là vùng biên giới (Nguyễn Văn Minh, 2020).

- Việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các DTTS phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua đã được các tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương chú trọng thực

hiện, hiệu quả đã mang lại cho người dân những chuyển biến rõ rệt về kinh tế - xã hội. Song, do còn những hạn chế nên công tác này chưa thực sự mang lại hiệu quả cao: Một số giá trị văn hóa của các DTTS đang có chiều hướng biến đổi, mai một bản sắc văn hóa do hội nhập diễn ra mạnh mẽ. Hiện nay, lớp người già còn lưu giữ và có khả năng truyền đạt lại vốn văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ không còn nhiều, nhất là ở những tộc người có dân số rất ít; trong khi lớp trẻ, con em các dân tộc phần lớn không đủ điều kiện và khả năng “hấp thụ” tốt do bối cảnh kinh tế - xã hội đã có nhiều thay đổi, mô hình văn hóa gia đình truyền thống bị xáo trộn hay tâm lý đánh giá thấp di sản văn hóa của tổ tiên. Ngoài ra, do tác động mặt trái cơ chế thị trường, việc duy trì, bảo tồn vốn di sản văn hóa của các DTTS gặp nhiều khó khăn. Mặc dù những chủ trương, chính sách và kế hoạch đã được các tỉnh triển khai thời gian qua góp phần rất lớn trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống, thúc đẩy phát triển du lịch, song chỉ có một số địa phương thực hiện hiệu quả, còn lại vẫn đang nằm trong đề án, dự án hoặc thực hiện bước đầu và còn đặt ra rất nhiều vấn đề cần khắc phục, hoàn thiện.

- Hiện nay các địa phương chưa có chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị tín ngưỡng cổ truyền của các dân tộc. Vì vậy, cần sớm được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn hiện nay, nhất là trong bối cảnh đang ngày càng nhiều người dân của một số dân tộc bị lôi kéo theo các tôn giáo ngoại lai.

4. Một vài khuyến nghị

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người tại Việt Nam thường tiếp cận trên hai phương diện văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Văn hóa vật thể bao gồm: nhà cửa, trang phục, ẩm thực, nhạc cụ, phương tiện sản xuất, đi lại,... Văn hóa phi vật thể gồm: phong tục tập quán, tri thức địa phương, tổ chức xã hội, lễ hội, văn học, nghệ thuật dân gian,... Ngôn ngữ thường được nhắc đến như một lĩnh vực đặc thù đã có chính sách riêng. Vấn đề quan trọng hơn là phải xác định được các lĩnh vực, yếu tố cần ưu tiên cho bảo tồn khẩn cấp, đồng thời đánh giá được việc đáp ứng các nhu cầu và sự tham gia của người dân về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của chính họ theo quan điểm phát triển bền vững về văn hóa,... (Nguyễn Ngọc Thanh, 2019, tr. 15-16).

Văn hóa là lĩnh vực rất rộng nên việc bảo tồn và phát huy cần tập trung vào những giá trị độc đáo của tộc người để tránh đầu tư dàn trải, không đúng trọng tâm. Nếu không có những khuyến nghị giải pháp cụ thể nhằm bảo tồn văn hóa của các DTTS sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, sẽ dẫn đến nguy cơ tổn thất về sự đa dạng văn hóa tộc người. Do đó, giải pháp quan trọng là cần chỉ rõ làm thế nào để người dân có thể tiếp cận các nguồn lực từ những chương trình văn hóa.

Các DTTS ở vùng sâu, vùng xa, biên giới là những địa bàn gặp nhiều khó khăn về điều kiện, khả năng phát triển kinh tế - xã hội, nhưng lại là tuyến đầu trọng yếu bảo vệ quốc gia, giữ vững chủ quyền thiêng liêng của tổ quốc. Do vậy, cần xác định mức độ ưu tiên hỗ trợ

cao nhất về mọi mặt để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho những địa phương này phát triển nhanh, bền vững cùng đất nước.

Cần tiếp tục hỗ trợ, phục dựng, tổ chức các lễ hội truyền thống. Động viên tinh thần và khả năng sáng tác cho các tầng lớp nhân dân. Quá trình triển khai các đề án bảo tồn văn hóa, các nhà quản lý cần lắng nghe ý kiến đóng góp của người dân địa phương. Ngành văn hóa cần tiếp tục thống kê, kiểm kê, đăng ký quản lý các di vật, cổ vật, bảo vật; đẩy mạnh công tác sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu các giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc; mở lớp bồi dưỡng về dân ca, dân vũ truyền thống..., tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, bắt kịp sự phát triển của thời đại.

Chú trọng khôi phục phát triển các nghề thủ công truyền thống để có sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân địa phương, đồng thời đáp ứng mục tiêu tạo ra sản phẩm hàng hóa giới thiệu và bán cho du khách. Đầu tư cho một số hộ gia đình có truyền thống làm nghề thủ công và ở những địa phương có tiềm năng, cần thành lập Hợp tác xã thủ công như: trồng nguyên vật liệu và dệt vải, thêu hoa văn; đan lát; làm ngói máng và đồ gốm mỹ nghệ;...

Cần nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng (thôn bản DTTS) nhằm xây dựng các sản phẩm văn hóa hấp dẫn, đáp ứng thị hiếu của du khách. Xét về phát triển kinh tế, việc tổ chức du lịch cộng đồng bước đầu đã làm thay đổi diện mạo của thôn bản, tỷ lệ hộ nghèo giảm rõ rệt. Ở đồng bào DTTS, các sản phẩm của nghề thủ công, ẩm thực, âm nhạc dân vũ truyền thống đều có thể trở thành những sản phẩm kinh tế, tạo thêm công ăn việc làm và thu nhập cho người dân, làm thay đổi nhận thức về việc giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống.

Nâng cao vai trò quản lý, định hướng của Nhà nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ di sản văn hóa, gắn hoạt động văn hóa dân tộc với xây dựng đời sống văn hóa. Trong đó, cần chú trọng nguyên tắc “bảo tồn sống” tức là bảo tồn các hiện tượng văn hóa phi vật thể ngay chính trong đời sống cộng đồng. Có chính sách, chế độ thích đáng cho các nghệ nhân tài giỏi, những cá nhân và gia đình có công sức giữ gìn tài sản văn hóa dân tộc.

Coi trọng và có chính sách đào tạo cán bộ là người dân tộc, có kế hoạch sử dụng các học sinh dân tộc đã tốt nghiệp ra trường để họ được về phục vụ chính đồng bào mình. Tăng cường, đẩy mạnh việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, giao lưu, hợp tác với các địa phương trong và ngoài nước trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc.

Kết luận

Phát triển vùng DTTS đồng hành với sự đi lên của cả nước là nhiệm vụ có tính chiến lược trong thời kỳ Đổi mới của đất nước, tại Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, Đảng ta đã nhấn mạnh “... gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc..., giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất...”.

Về lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, từ năm 2011 đến nay, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ các DTTS và bước đầu đạt được một số kết quả thành tựu quan trọng, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn miền núi, nhất là các xã, thôn ĐBKK. Song, một số chính sách chưa thực sự phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, vùng, miền, dẫn đến tác động và hiệu quả bị hạn chế. Các DTTS có những điểm đặc thù về địa hình, khí hậu, trình độ phát triển, phong tục tập quán. Do đó, các chương trình, chính sách nếu không nghiên cứu kỹ đến những đặc điểm này sẽ không khả thi và khó có thể đạt được hiệu quả như mong đợi. Trong bối cảnh đó, cần có những giải pháp nhằm góp phần đưa ra một hệ thống chính sách phù hợp và hiệu quả hơn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa cho các cư dân người DTTS sống ở vùng này.

Tài liệu tham khảo

1. Hà An, Minh Khánh (2018), *Bộ Văn hóa thể thao & Du lịch chủ động đề xuất chính sách bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số*, trên trang <https://bvhttdl.gov.vn/> (Truy cập ngày 5/11/2020).
2. Nguyễn Văn Chính (2019), “Hỗ trợ phát triển và bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số rất ít người”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2018), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Hưng (2018), *Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum*, trên trang <http://www.bandantoc.kontum.gov.vn/> (Truy cập ngày 3/11/2020).
4. Uyên Linh (2020), *Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc*, trên trang <http://www.baolaichau.vn/> (Truy cập ngày 6/11/2020).
5. Nguyễn Văn Minh (2020), *Nghiên cứu xây dựng chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống độc đáo (tiêu biểu) của dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang*, Báo cáo Tổng hợp kết quả đề tài cấp Tỉnh.
6. Trần Thị Mai Lan (2019), “Một số vấn đề về bảo tồn văn hóa tộc người ở nước ta hiện nay”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2018), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Thanh (2019), “Bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số rất ít người thực trạng và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Văn hóa học*, Số 3, tr. 11-17.
8. Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê (2019), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.